|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 05/2020/TT-BCT | *Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn**

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;*

*Thực hiện Công ước Viên năm 1985 về bảo vệ tầng ô-dôn và Nghị định thư Montreal năm 1987 về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn và các văn kiện sửa đổi, bổ sung của Nghị định thư Montreal đã được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn tham gia;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch 47).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch 47**

1. Danh mục các chất HCFC tại Phụ lục I quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch 47 được thay thế bởi Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch 47 như sau:

“c) Các chất hydrofluorocarbon (trong Thông tư gọi tắt là các chất HFC) thuộc Phụ lục IIa và Phụ lục IIb của Thông tư này.”

3. Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch 47 được sửa đổi như sau:

“1. Lượng hạn ngạch nhập khẩu các chất HCFC thuộc Phụ lục I Thông tư này cho từng năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028 được quản lý nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: tấn*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** |
| Các chất HCFC | 2.600 | 2.600 | 2.600 | 2.600 | 2.600 | 1.300 | 1.300 | 1.300 | 1.300 |

4. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 Thông tư liên tịch 47 như sau:

“**Điều 3a. Hạn ngạch nhập khẩu các chất HFC**

1.Lượng hạn ngạch nhập khẩu các chất HFC thuộc Phụ lục IIa và IIb Thông tư này cho từng năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028 được quản lý nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: tấn*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** |
| **Các chất HFC** | Nhập khẩu để xây dựng hạn ngạch cơ sở.  Không giới hạn lượng nhập khẩu. | Nhập khẩu để xây dựng hạn ngạch cơ sở  Không giới hạn lượng nhập khẩu. | Nhập khẩu để xây dựng hạn ngạch cơ sở.  Không giới hạn lượng nhập khẩu. | Bình quân nhập khẩu năm (2020 + 2021 + 2022)/3 của các chất HFC + 65% mức tiêu thụ cơ sở các chất HCFC | 100% HNNK các chất HFC năm cơ sở 2023 | 100% HNNK các chất HFC năm cơ sở 2023 | 100% HNNK các chất HFC năm cơ sở 2023 | 100% HNNK các chất HFC năm cơ sở 2023 | 100% HNNK các chất HFC năm cơ sở 2023 |

2. Lượng hạn ngạch nhập khẩu các chất HFC thuộc Phụ lục IIa và Phụ lục IIb Thông tư này từ năm 2023 trở đi sẽ được Bộ Công Thương xác định và công bố theo kết quả bình quân nhập khẩu các năm 2020, 2021, 2022 của các chất HFC cộng với 65% mức tiêu thụ cơ sở các chất HCFC. Từ năm 2024 đến năm 2028, lượng hạn ngạch nhập khẩu các chất HFC sẽ duy trì với khối lượng không đổi như hạn ngạch năm cơ sở 2023. Số lượng cụ thể hạn ngạch các chất HFC cho từng năm sẽ được công bố và được tính theo lượng CO2 tương đương theo quy định của Bản sửa đổi, bổ sung Kigali thuộc Nghị định thư Montreal.”

5. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 Thông tư liên tịch 47 như sau:

**“Điều 4a. Thủ tục nhập khẩu các chất HFC**

Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các chất HFC được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch 47, đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Thông tư số 51/2018/TT-BCT. Riêng đơn đăng ký nhập khẩu các chất HFC theo hướng dẫn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”

6. Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 Thông tư liên tịch 47 như sau:

**“Điều 6a. Thủ tục xuất khẩu các chất HFC theo hạn ngạch**

Bộ Công Thương cấp Giấy phép xuất khẩu các chất HFC theo hạn ngạch theo Quyết định của các nước thành viên Nghị định thư. Hồ sơ, quy trình cấp phép nhập khẩu được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. Hồ sơ được gửi đến Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu), riêng đơn đăng ký xuất khẩu các chất HFC theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.”

7. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch 47 như sau:

“3. Thương nhân thực hiện chế độ báo cáo tình hình xuất khẩu, nhập khẩu các chất HFC theo từng quý, năm với hình thức và thời gian báo cáo như quy định đối với các chất HCFC tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch 47 và theo hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.”

**Điều 2.** Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch 47.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, các thương nhân, các tổ chức hoặc cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét và hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng: Chính phủ, Chủ tịch nước, Quốc hội; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Viện KSND tối cao; - Tòa án ND tối cao; - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm traVBQPPL); - Kiểm toán Nhà nước; - Công báo; - Website Chính phủ;  - Website Bộ Công Thương, website Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Các Sở Công Thương;  - Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;  - Lưu: VT, XNK (10). | **BỘ TRƯỞNG**  **Trần Tuấn Anh** |

**Phụ lục I**

**DANH MỤC CÁC CHẤT HCFC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn)*

| **Mã hàng** | **Mô tả hàng hóa** | **Tên chất** | **Tên hoá học** | **Công thức hoá học** | **Số ashrae (dùng cho môi chất lạnh)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2903.71.00 | Gas lạnh R21 | HCFC-21 | Dichlorofluoromethane | CHFCl2 | R-21 |
| Gas lạnh R22 | HCFC-22 | Chlorodifluoromethane | CHF2Cl | R-22 |
| 2903.72.00 | Gas lạnh R123 | HCFC-123 | Dichlorotrifluoroethanes | C2HF3Cl2 | R-123 |
| 2903.73.00 | Gas lạnh R141 | HCFC-141 | Dichlorofluoroethanes | C2H3FCl2 | R-141 |
| Gas lạnh R141b | HCFC-141b | Dichlorofluoroethanes | CH3CFCl2 | R-141b |
| 2903.74.00 | Gas lạnh R142 | HCFC-142 | Chlorodiflouroethanes | C2H3F2Cl | R-142 |
| Gas lạnh R142b | HCFC-142b | 1-chloro-1,1- difluoroethane | CH3CF2Cl | R-142b |
| 2903.75.00 | Gas lạnh R225 | HCFC-225 | Dichloropentafluoropropanes | C3HF5Cl2 | R-225 |
| Gas lạnh R225ca | HCFC-225ca | 1,1-dichloro-2,2,3,3,3-pentafluoropropane | CF3CF2CHCl2 | R-225ca |
| Gas lạnh R225cb | HCFC-225cb | 1,3-dichloro-1,2,2,3,3-pentafluoropropane | CF2ClCF2CHClF | R-225cb |
| 2903.79.00  2903.79.00 | Gas lạnh R31 | HCFC-31 | Chlorofluoromethane | CH2FCl | R-31 |
| Gas lạnh R121 | HCFC-121 | Tetrachlorofluoroethanes | C2HFCl4 | R-121 |
| Gas lạnh R122 | HCFC-122 | Tricchlorodifluoroethanes | C2HF2Cl3 | R-122 |
| Gas lạnh R124 | HCFC-124 | Chlorotetrafluoethanes | C2HF4Cl | R-124 |
| Gas lạnh R131 | HCFC-131 | Trichlorofluoroethanes | C2H2FCl3 | R-131 |
| Gas lạnh R132 | HCFC-132 | Dichlorodifluoroethanes | C2H2F2Cl2 | R-132 |
| Gas lạnh R133 | HCFC-133 | Chlorotrifluoroethanes | C2H2F3Cl | R-133 |
| Gas lạnh R151 | HCFC-151 | Chloroflouroethanes | C2H4FCl | R-151 |
| Gas lạnh R221 | HCFC-221 | Hexachlorofluoropropanes | C3HFCl6 | R-221 |
| Gas lạnh R222 | HCFC-222 | Pentachlorodifluoropropanes | C3HF2Cl5 | R-222 |
| Gas lạnh R223 | HCFC-223 | Tetrachlorotrifluoropropanes | C3HF3Cl4 | R-223 |
| Gas lạnh R224 | HCFC-224 | Trichlorotetrafluoropropanes | C3HF4Cl3 | R-224 |
| Gas lạnh R226 | HCFC-226 | Chlorohexafluoropropanes | C3HF6Cl | R-226 |
| Gas lạnh R231 | HCFC-231 | Pentachlorofluoropropanes | C3H2FCl5 | R-231 |
| Gas lạnh R232 | HCFC-232 | Tetrachlorodifluoropropanes | C3H2F2Cl4 | R-232 |
| Gas lạnh R233 | HCFC-233 | Trichlorotrifluoropropanes | C3H2F3Cl3 | R-233 |
| Gas lạnh R234 | HCFC-234 | Dichlorotetrafluoropropanes | C3H2F4Cl2 | R-234 |
| Gas lạnh R235 | HCFC-235 | Chloropentafluoropropanes | C3H2F5Cl | R-235 |
| Gas lạnh R241 | HCFC-241 | Tetrachlorofluoropropanes | C3H3FCl4 | R-241 |
| Gas lạnh R242 | HCFC-242 | Trichlorodifluoropropanes | C3H3F2Cl3 | R-242 |
| Gas lạnh R243 | HCFC-243 | Dichlorotrifluoropropanes | C3H3F3Cl2 | R-243 |
| Gas lạnh R244 | HCFC-244 | Chlorotetrafluoropropanes | C3H4F4Cl | R-244 |
| Gas lạnh R251 | HCFC-251 | Trichlorotetrafluoropropanes | C3H4FCl3 | R-251 |
| Gas lạnh R252 | HCFC-252 | Dichlorodifluoropropanes | C3H4F2Cl2 | R-252 |
| Gas lạnh R253 | HCFC-253 | Chorotrifluoropropanes | C3H4F3Cl | R-253 |
| Gas lạnh R261 | HCFC-261 | Dichlorofluoropropanes | C3H5FCl2 | R-261 |
| Gas lạnh R262 | HCFC-262 | Chlorodifluoropropanes | C3H5F2Cl | R-262 |
| Gas lạnh R271 | HCFC-271 | Chlorofluoropropanes | C3H6FCl | R-271 |

**Phụ lục IIa**

**DANH MỤC CÁC CHẤT HFC NGUYÊN CHẤT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn)*

| **Mã hàng** | **Mô tả hàng hóa** | **Tên chất** | **Tên hoá học** | **Công thức hoá học** | **Số ashrae (dùng cho môi chất lạnh)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2903.39.90 |  | HFC-134 | 1,1,2,2-Tetrafluorethane | CHF2CHF2 |  |
| Gas lạnh R134a | HFC-134a | 1,1,1,2-Tetrafluoroethane | CH2FCF3 | R-134a |
|  | HFC-143 | 1,1,2-Trifluoroethane | CH2FCHF2 |  |
| Gas lạnh R245fa | HFC-245fa | 1,1,1,3,3-Pentafluoropropane | CHF2CH2CF3 | R-245fa |
|  | HFC-365mfc | 1,1,1,3,3-Pentafluorobutane | CF3CH2CF2CH3 |  |
|  | HFC-227ea | 1,1,1,2,3,3,3-Heptafluoropropane | CF3CHFCF3 |  |
|  | HFC-236cb | 1,1,1,2,2,3-Hexafluoropropane | CH2FCF2CF3 |  |
|  | HFC-236ea | 1,1,1,2,3,3-Hexafluoropropane | CHF2CHFCF3 |  |
|  | HFC-236fa | 1,1,1,3,3,3-Hexafluoropropane | CF3CH2CF3 |  |
|  | HFC-245ca | 1,1,2,2,3-Pentafluoropropane | CH2FCF2CHF2 |  |
|  | HFC-43-10mee | 1,1,1,2,2,3,4,5,5,5-Decafluoropentane | CF3CHFCHFCF2CF3 |  |
| Gas lạnh R32 | HFC-32 | Difluoromethane | CH2F2 | R-32 |
| Gas lạnh R125 | HFC-125 | Pentafluoroethane | CHF2CF3 | R-125 |
| Gas lạnh R143a | HFC-143a | Trifluoroethane | CH3CF3 | R-143a |
|  | HFC-41 | Fluoromethane | CH3F |  |
|  | HFC-152 | 1,2-Difluoroethane | CH2FCH2F |  |
| Gas lạnh R152a | HFC-152a | 1.1-Difluoroethane | CH3CHF2 | R-152a |
| Gas lạnh R23 | HFC-23 | Trifluoromethane | CHF3 | R-23 |

*\* Giá trị tiềm năng nóng lên toàn cầu của các chất trong bảng trên theo Báo cáo đánh giá lần thứ tư của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc.*

**Phụ lục IIb**

**DANH MỤC CÁC CHẤT HFC HỢP CHẤT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn)*

| **Mã hàng** | **Mô tả hàng hóa** | **Tên chất** | **Thành phần** | **Số ashrae (dùng cho môi chất lạnh)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 3827.78.00 | Gas lạnh R404 | HFC-404A | R143a/125/134a | R-404 |
| Gas lạnh R507A | HFC-507A | R143a/125 | R-507A |
| Gas lạnh R407A | HFC-407A | R32/125/134a | R-407A |
| Gas lạnh R407B | HFC-407B | R32/125/134a | R-407B |
| Gas lạnh R407C | HFC-407C | R32/125/134a | R-407C |
| Gas lạnh R410A | HFC-410A | R32/125 | R-410A |
| Gas lạnh R508A | HFC-508A | R32/116 | R-508A |
| Gas lạnh R508B | HFC-508B | R32/116 | R-508B |

*\* Giá trị tiềm năng nóng lên toàn cầu của các chất trong bảng trên theo Báo cáo đánh giá lần thứ tư của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc.*

**Phụ lục III**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU CÁC CHẤT HFC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN**  Số: . . . . . . . . .  V/v đăng ký nhập khẩu các chất HFC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *. . . . . ., ngày . . . . . tháng . . . . . năm 20 . . .* |

Kính gửi:Bộ Công Thương

Tên thương nhân . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Địa chỉ liên hệ: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Điện thoại: . . . . . . . . . . Fax. . . . . . . . . . . . . E-mail. . . . . .. . . . . . . . . . . . . .

Căn cứ Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (tên thương nhân) . . . . đăng ký nhập khẩu các chất HFC như sau:

Tên chất: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Khối lượng nhập khẩu dự kiến (kg) . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Khối lượng đăng ký (kg) . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Hợp đồng nhập khẩu số . . . . . . .ngày . . . . . . .tháng . . . . . . . .năm . . . . . . .

Nước xuất khẩu: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

(Tên thương nhân) . . . . cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

|  |
| --- |
| **Người đại diện theo pháp luật**  **của thương nhân**  *(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục IV**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU CÁC CHẤT HFC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN**  Số: . . . . . . . . .  V/v đăng ký xuất khẩu các chất HFC (Phụ lục IIa và IIb) | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *. . . . . ., ngày . . . . . tháng . . . . . năm 20 . . .* |

Kính gửi:Bộ Công Thương

Tên thương nhân . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Địa chỉ liên hệ: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Điện thoại: . . . . . . . . . . Fax. . . . . . . . . . . . . E-mail. . . . . .. . . . . . . . . . . . . .

Căn cứ Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (tên thương nhân) . . . . đăng ký xuất khẩu các chất HFC như sau:

Tên chất: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Khối lượng đăng ký (kg) . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Thương nhân nhập khẩu: . . . . . . . . . . . . . . Nước nhập khẩu: . . . . . . . . . .

Hợp đồng xuất khẩu số . . . . . . .ngày . . . . . . .tháng . . . . . . . .năm . . . . . . .

Thương nhân bán hàng: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

(Tên thương nhân) . . . . cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

|  |
| --- |
| **Người đại diện theo pháp luật**  **của thương nhân**  *(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)* |

**Xác nhận của Bộ Công Thương**

**Phụ lục V**

**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

**CÁC CHẤT HFC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN**  Số: . . . . . . . . . | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *. . . . . , ngày. . . . tháng . . . . năm 20 . . .* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu các chất HFC**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Căn cứ Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (tên thương nhân) . . . . báo cáo tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu các chất HFC trong quý …/20… hoặc năm 20… của thương nhân như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên chất | Mã HS | Giấy phép do Bộ Công Thương cấp (số … ngày … tháng … năm …) | Số hiệu tờ khai hải quan | Khối lượng (kg) | Trị giá (USD) | Khối lượng xuất khẩu, nhập khẩu lũy kế tới thời điểm báo cáo (kg) | Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu lũy kế tới thời điểm báo cáo (USD) | Khối lượng xuất khẩu, nhập khẩu dự kiến  (kg) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... | ... |  | ... | ... | ... |  |  |

(Tên thương nhân) . . . . cam đoan những kê khai trên đây là chính xác, nếu sai thương nhân hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |
| --- |
| **Người đại diện theo pháp luật**  **của thương nhân**  *(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)* |